Phụ lục 70
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ BÌNH THẠNH ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 9, 26, 27, 28, 10 Phụ lục 70 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL70 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	9	Đường tỉnh 951		Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 951)
2	26	Các tuyến đường khác có độ rộng đường >=3m	225	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường >=3m được trải bê tông hoặc nhựa)
3	27	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	180	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường <3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	28	Các tuyến đường còn lại		Hủy bỏ

TT	Số TT PL70 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
2	10	Đất ở nông thôn tiếp giáp mặt tiền đường liên xã, giao thông nông thôn, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL70 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**I**	**Xã Bình Thạnh Đông gồm:(Ấp Hiệp Hưng, Hiệp Thạnh, Hiệp Trung, Hiệp Thuận,Hiệp Hoà)**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)	58	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)),
		Khu vực còn lại	35	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)),

TT	Số TT PL70 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
II	**II**	**Xã Bình Thạnh Đông gồm: (Ấp Bình Trung 1, Bình Trung 2, Bình Tây 2, Bình Đồng 1, Bình Đông 2, Bình Quới 1, Bình Quới 2)**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Đường tỉnh 954	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 954),
		Đường tỉnh 951	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 951),
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)),
		Khu vực còn lại	41	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),

TT	Số TT PL70 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Đường tỉnh 954	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 954),
		Đường tỉnh 951	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 951),
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)),
		Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
III	**III**	**Xã Bình Thạnh Đông gồm: (Ấp Bình Phú 1, Bình Phú 2, Bình Thành, Bình Tây 1)**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Đường tỉnh 951	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 951),

TT	Số TT PL70 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)),
		Khu vực còn lại	41	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Đường tỉnh 951	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường tỉnh 951),
		Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)),
		Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),